Bài 1. Công thức định nghĩa đạo hàm của hàm số tại điểm là: A. B. C. D.

Bài 2. Đạo hàm của hàm số (với là hằng số) có công thức là: A. B. C. D.

Bài 3. Công thức đạo hàm của hàm số (với ) là: A. B. C. D.

Bài 4. Quy tắc tính đạo hàm của tổng hai hàm số và là: A. B. C. D.

Bài 5. Ý nghĩa hình học của đạo hàm là: A. Độ dài của tiếp tuyến tại điểm có hoành độ B. Hệ số góc của tiếp tuyến với đồ thị tại điểm có hoành độ C. Khoảng cách từ gốc tọa độ đến tiếp tuyến D. Góc tạo bởi tiếp tuyến và trục tung

Bài 6. Công thức đạo hàm của hàm số là: A. B. C. D.

Bài 7. Quy tắc tính đạo hàm của tích hai hàm số và là: A. B. C. D.

Bài 8. Đạo hàm của hàm số có công thức là: A. B. C. D.

Bài 9. Trong vật lý, nếu là phương trình chuyển động thì đạo hàm biểu thị: A. Gia tốc tức thời tại thời điểm B. Vận tốc tức thời tại thời điểm C. Quãng đường đi được tại thời điểm D. Thời gian chuyển động

Bài 10. Quy tắc tính đạo hàm của thương hai hàm số là: A. B. C. D.

Bài 11. Điều kiện để hàm số có đạo hàm tại điểm là: A. liên tục tại B. tồn tại và hữu hạn C. phải khác 0 D. phải là hàm số chẵn

Bài 12. Với là hằng số, quy tắc tính đạo hàm của là: A. B. C. D.

Bài 13. Ký hiệu nào sau đây KHÔNG phải là cách viết đạo hàm của hàm số ? A. B. C. D.

Bài 14. Hàm số có đạo hàm là: A. B. C. D.

Bài 15. Quy tắc đạo hàm của hiệu hai hàm số là: A. B. C. D.

Bài 16. Điều kiện để áp dụng quy tắc đạo hàm thương là: A. B. C. D.

Bài 17. Đạo hàm của hàm số theo công thức cơ bản là: A. B. C. D.

Bài 18. Trong định nghĩa đạo hàm, biểu thức được gọi là: A. Tỉ số gia B. Gia số C. Đạo hàm D. Giới hạn

Bài 19. Hàm số có đạo hàm là: A. B. C. D.

Bài 20. Nếu hàm số có đạo hàm tại thì : A. Có thể không liên tục tại B. Nhất thiết phải liên tục tại C. Phải là hàm hằng số D. Phải có đạo hàm trên toàn bộ tập xác định